

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học
và Công nghệ tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-BKHHCN ngày 01/8/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3727/QĐ-BKHHCN ngày 06/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16/8/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-BKHHCN ngày 24/8/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-BKHHCN ngày 28/02/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

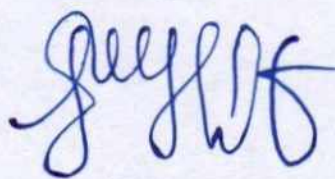
Các thủ tục hành chính đã được công bố tại các Quyết định số: 2481/QĐ-UBND ngày 12/9/2017; 3210/QĐ-UBND ngày 20/11/2017; 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VP Chính phủ;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC(2b), NC.

CHỦ TỊCH *tc*



Nguyễn Đức Chính

DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1833/QĐ-UBND** ngày **19/7/2019** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thủ tục hành chính ban hành mới: 08 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng					
1	Miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (BKHCN-282585)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Quyết định số 3737/QĐ-BKHHCN ngày 06/12/2018 của Bộ KH&CN.
2	Cấp bổ sung Giấy phép chuyên hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (B-BKC-282383-TT).	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thẩm định thực tế nhưng tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khác phục để hoàn thiện hồ sơ: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thẩm định thực tế và tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khác phục để 	<ul style="list-style-type: none"> Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> Trực tiếp/Bưu chính công ích 	<ul style="list-style-type: none"> Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hoàn thiện hồ sơ: 40 ngày làm việc.				<p>tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>- Quyết định số 2138/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2018 của Bộ KH&CN.</p>
3	<p>Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (B-BKC-282384-TT).</p>	<p>02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/Buru chính công ích</p>	<p>Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.</p>	<p>- Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ					
4	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Buru chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. - Quyết định số 2306/QĐ-BKHCN ngày 16/8/2018 của Bộ KH&CN.
5	Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi thời gian thực hiện dự án: 15 ngày; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ. 	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Buru chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 16/8/2018 của Bộ KH&CN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không	<p>26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16/8/2018 của Bộ KH&CN.</p> <p>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16/8/2018 của Bộ KH&CN.</p>
7	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không	<p>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
III	Lĩnh vực hoạt động khoa học					<p>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16/8/2018 của Bộ KH&CN.</p>
8	<p>Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do;</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ.</p>	<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do;</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p>	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tinh</p>	<p>Trực tiếp/Buru chính công ích</p>	<p>Không</p>	<p>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.</p> <p>- Quyết định số 2405/QĐ-BKHHCN ngày 24/8/2018 của Bộ KH&CN.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.				

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng						
1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (BKHVNCN-282561).	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Quyết định số 3737/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ KH&CN. - Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị. 	
2	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chi định (BKHVNCN-	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	282562).					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Quyết định số 3737/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ KH&CN. - Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị. 	
3	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (BKHVNCN-282565)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhân hàng hóa. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Quyết định số 3737/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ KH&CN. - Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị. 	
4	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng	05 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính	Trực tiếp/Bưu	Theo quy định hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (B-BKC-282382-TT).	nhận được hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh	chính công ích	hành của pháp luật về phí, lệ phí.	Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. - Quyết định số 2138/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2018 của Bộ KH&CN. - Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị.	

3. Thủ tục hành chính thay thế: 03 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (B-BKC-282108-TT).	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Buru chính công ích	Không	- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. - Quyết định 395/QĐ-BKHCN ngày 28/02/2019 của Bộ KH&CN.
1	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Cấp lại Giấy chứng nhận	05 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/Buru chính công ích	Không	- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày
2							

		doanh nghiệp học và công nghệ (B-KC-282109-TT).	nhận được hồ sơ hợp lệ	chính công tình		01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. -Quyết định 395/QĐ-BKHCN ngày 28/02/2019 của Bộ KH&CN.
3		Sửa đổi, bổ sung chứng doanh nghiệp khoa học và công nghệ (B-KC-282110-TT).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Bưu chính công ích	Không - Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. -Quyết định 395/QĐ-BKHCN ngày 28/02/2019 của Bộ KH&CN.

4. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 01 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Được công bố tại Quyết định	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ		
1	Đăng ký chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.	-Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị	Bộ KH&CN đã hủy bỏ tại Quyết định số 2306/QĐ-BKHCN ngày 16/8/2018.

Tổng cộng: 16 thủ tục